| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1102/2024/HS-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Trinh

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Phòng xét xử trực tuyến, trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần – Phòng xét xử trực tuyến, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 578/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Hoàng Anh T; Do có kháng cáo của người bị hại Hoàng Anh V, Nguyễn Thị Kim N, Lê Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1023/2024/QĐXXPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024, đối với:

- *Bị cáo bị kháng cáo:* Hoàng Anh T, sinh năm 1991 tại Lâm Đồng; nơi ĐKHKTT: Số B P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng (đã nghỉ việc); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Hoàng L (đã chết) và bà Phạm Thị H1; Chồng Trần Huy C; Có 03 con, sinh năm 2012, 2015 và sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 14/6/2022 do bị cáo nuôi con dưới 36 tháng. Hiện bị cáo đang tại ngoại, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh T:* Luật sư Vũ Thanh H2 -thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại*:

1. Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thôn L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1981; Địa chỉ: 2 P, Phường H, thành phố Đ, Lâm Đồng, (có mặt).

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: 2 P, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị H:*

1. Luật sư Trần Việt H3 – Đoàn luật sư thành phố H, (có mặt).

2. Luật sư Trần Hải N1 – Đoàn luật sư tỉnh T, (có mặt).

*(Ngoài ra, trong vụ án còn scó các bị hại là bà Nguyễn Thị Kim L1 (H4), bà Nguyễn Thị Hoàng N2, bà Trương Thị Vân A1, ông Phạm Văn Đ không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hoàng Anh T là nhân viên ngân hàng B chi nhánh Đ1 từ năm 2018. Quá trình làm việc tại ngân hàng B chi nhánh Đ1, T nhận làm đáo hạn cho khách hàng vay vốn tại ngân hàng. Ban đầu T chỉ đứng ra giới thiệu cho khách hàng trực tiếp làm việc với những người có tiền cho vay, sau khi đáo hạn xong những người cho vay sẽ chia cho T một phần tiền lãi do khách đáo hạn chi trả. Đến khoảng tháng 10/2020, những người cho vay yêu cầu T đứng ra trực tiếp vay tiền của họ rồi đáo hạn cho khách hàng để nếu có trục trặc thì các bên trực tiếp giải quyết. T đồng ý và từ đó giữa T và những người cho vay thường xuyên giao dịch với nhau.

Những người cho vay đồng ý cho T vay để đáo hạn cho khách, tuy nhiên yêu cầu hết thời hạn đáo hạn (từ 03-04 ngày) T phải chuyển lại trả số tiền gốc "quay đầu" để chứng minh rằng số tiền gốc đã cho T vay đúng là để làm đáo hạn, tiền của họ còn được bảo toàn. Những chủ nợ tính toán thu hồi số tiền lãi T phải trả theo lãi suất đã thỏa thuận, rồi trong ngày tiếp theo họ tiếp tục chuyển khoản cho T mượn khoản vay mới. Một số người cho vay trừ tiền lãi trước khi chuyển khoản cho T vay, sau đó yêu cầu 03-04 ngày sau T phải trả lại đủ tiền gốc ghi theo giấy mượn. Một số người cho T vay một khoản tiền "cứng" (cho vay nhưng không yêu cầu trả dứt điểm), khoảng vài ngày yêu cầu T chuyển trả quay đầu tiền gốc kèm lãi. Sau đó họ kiểm tra để xác định số tiền còn được bảo toàn thì họ lại chuyển lại ngay cho T tiếp tục vay.

Để thực hiện giao dịch đối với những chủ nợ cho vay theo phương thức hoàn trả vốn quay đầu, trừ lãi nêu trên, T và những người cho vay mỗi người đều tạo ra từ 04-05 tài khoản ngân hàng để giao dịch hàng ngày (vì mỗi tài khoản có giới hạn định mức giao dịch tối đa từ 02- 03 tỷ đồng/01 ngày). Vì vậy

hàng ngày có rất nhiều giao dịch chuyển khoản qua lại giữa T với những người cho vay.

Vì phải chuyển trả tiền gốc quay đầu đều đặn theo yêu cầu, đồng thời phải đảm bảo thanh toán tiền lãi đầy đủ cho những người chủ nợ nên T phải lấy tiền của người này để chuyển trả tiền gốc, tiền lãi cho người kia. Khi chuyển trả chưa đủ, những người chủ nợ sẽ cho T chốt nợ bằng giấy mượn tiền, rồi tiếp tục tính lãi của những khoản nợ này, yêu cầu T phải chuyển trả. Đồng thời vẫn tiếp tục cho vay các khoản mới.

Từ tháng 10/2021 trở đi, T đã nợ rất nhiều người, tuy nhiên để che dấu không cho chủ nợ biết, T tiếp tục vay của người này trả lãi, trả gốc cho người kia để không cho chủ nợ biết. Giữa T và những người cho vay thoả thuận phương án trả lãi bằng hình thức cắt tiền lãi trước khi chuyển tiền cho T vay. Từ ngày 15/01/2022 (cận Tết nguyên đán Nhâm Dần 2022) T đã nợ tiền 20 người với số tiền hơn 150 tỷ đồng, những chủ nợ không được chuyển trả tiền quay đầu gây áp lực, yêu cầu T phải trả nợ, họ hứa hẹn sau khi trả xong sẽ cho T mượn lại. Do đó T tiếp tục thực hiện việc vay tiền của người này trả cho người kia, T nói dối với chủ nợ cho T mượn tiền để đáo hạn cho khách hàng, mục đích là nhằm có tiền trả nợ trước mắt cho những chủ nợ khác, hứa hẹn ra sau kỳ nghỉ tết nguyên đán sẽ hoàn trả. Tuy nhiên đến ngày 10/02/2022, T không còn khả năng trả nợ.

Quá trình điều tra xác định, bị cáo Hoàng Anh T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với 07 bị hại, cụ thể như sau:

*1. Lừa đảo chiếm đoạt của ông Hoàng Văn A số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).*

Ông Hoàng Văn A và Hoàng Anh T có mối quan hệ quen biết từ năm 2019, ông Văn A nhiều lần cho T vay tiền để đáo hạn cho khách hàng của T tại ngân hàng B với lãi suất thoả thuận miệng là 4.000đ/01 triệu đồng/01 ngày, sau khi ngân hàng giải ngân cho khách hàng xong T sẽ thanh toán tiền gốc và tiền lãi của khoản vay cho ông Văn A như đã thoả thuận. Các khoản vay cũ T đã thanh toán đầy đủ tiền gốc, tiền lãi từ năm 2021.

Ngày 25/01/2022, Hoàng Anh T cần trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim N nên T nảy sinh ý định nói dối ông Văn A cần vay tiền để làm đáo hạn cho khách để có tiền trả nợ. Do đó, chiều ngày 25/01/2022, T liên hệ qua điện thoại, nhắn tin Zalo với Hoàng Văn A nói ngày 26/01/2022 T có bộ hồ sơ của khách hàng cần đáo hạn và hỏi vay ông Văn A số tiền 1,2 tỷ đồng. Ông Văn A đồng ý nên sáng ngày 26/01/2022, ông Văn A từ Đơn D lên Thành phố Đ để cho T vay tiền. Trúc nhắn tin cho ông Văn A đề nghị chuyển tiền vào tài khoản của T rồi nói khi nào ký hồ sơ giấy tờ của khách xong sẽ gặp ông Văn A, ông Văn A đồng ý và chuyển 1.100.000.000đ vào tài khoản số 102873746134 của T mở tại Ngân hàng V2. Ngay sau khi nhận số tiền này, T đã chuyển vào tài khoản số 0979435516

của bà Nguyễn Thị Kim N để trả nợ số tiền 2.000.000.000đ, gồm 1,1 tỷ đồng do ông Văn A chuyển và 900 triệu đồng tiền còn tồn trong tài khoản của T trước đó. Việc chuyển tiền để trả nợ cho bà N, T không thông báo gì cho ông Văn A biết.

Khoảng 15 phút sau khi thực hiện các giao dịch trên, T đến quán C3 (nằm trên đường H, Phường F, thành phố Đ) gặp ông Văn A. Tại đây T ghi giấy mượn tiền theo mẫu ông Văn A in sẵn, nội dung T vay ông Văn A 1.100.000.000đ đề ngày 26/01/2022, hẹn ngày 28/01/2022, mục đích đáo hạn ngân hàng cho khách tại ngân hàng B chi nhánh Đ1.

Đến buổi chiều cùng ngày, ông Văn A hỏi T hồ sơ khách hàng đến đâu rồi thì T chụp 01 giấy tiếp nhận hồ sơ hẹn trả kết quả của bà Nguyễn Thị L2 (ngân hàng B cung cấp thông tin bà L2 là người có hồ sơ vay mới chứ không làm đáo hạn tại ngân hàng B trong ngày 26/01/2022). Mục đích để ông Văn A không thắc mắc gì việc sử dụng số tiền 1,1 tỷ đồng đã vay.

Đến thời hạn trả nợ (28/01/2022), T không trả được tiền đã vay cho ông Văn A. Ông Văn A hỏi đòi nợ thì trong ngày 30/01/2022, T chuyển trả cho ông Văn A được 85.000.000đ. Trúc hẹn ngày 07/02/2022 sẽ trả hết nợ cho ông Văn A, sau đó T không trả thêm cho ông Văn A bất cứ khoản tiền nào khác.

Như vậy số tiền bị hại Hoàng Văn A bị T chiếm đoạt là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).

*2. Lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).*

Bà Nguyễn Thị Kim L1 có mối quan hệ quen biết lâu năm với bà Nguyễn Hạnh Thị Thùy T1. Tháng 12/2021, bà L1 và bà T1 có nói chuyện với nhau, bà T1 có kể sự việc bà T1 làm ăn, đáo hạn ngân hàng với Hoàng Anh T thì bà L1 nói mới vay tiền ngân hàng, có nhu cầu cho vay để kiếm tiền lãi. Bà T1 nói khi nào T cần tiền thì sẽ thông báo cho bà L1 biết. Ngoài ra trước đó bà L1 không quen biết gì T, không có bất cứ quan hệ làm ăn gì với T.

Ngày 08/02/2022, đến hạn phải trả nợ tiền gốc cho bà Phan Thị Hồng L3 và tiền lãi cho bà Lê Thị H nên T nảy sinh ý định tìm người vay tiền để có tiền trả nợ. T gọi điện thoại cho bà T1 nói cần tiền để đáo hạn cho khách hàng. Khi đó bà T1 nhớ đến bà L1 nên cho T số điện thoại của bà L1 để T tự liên hệ. Sau khi có số điện thoại bà L1, khoảng 10h sáng ngày 08/02/2022, T đã gọi điện thoại cho bà L1 đề nghị cho vay tiền để đáo hạn cho khách hàng của T tại ngân hàng. T hẹn bà L1 khoảng 13h30’ cùng ngày khi bà L1 chuyển tiền T sẽ viết giấy mượn tiền đưa cho bà L1 giữ. Đến 14h00’ cùng ngày, T gọi nói bà L1 chuyển tiền nhanh cho T để kịp giải ngân cho khách, bà L1 đồng ý nên đã đến Phòng G2 - ngân hàng B1 chi nhánh Đ1 làm thủ tục rút số tiền vay 1.500.000 và đề nghị giải ngân vào tài khoản số 102873746134 mang tên Hoàng Anh T mở tại ngân hàng V3. Đến 14h50’ ngày 08/02/2022, sau khi nhận được

1.500.000.000đ T nhắn tin cho bà L1 nội dung: "Hôm nay ngày 08/02/2022 tôi Hoàng Anh T có mượn của chị H4 (tên gọi khác của bà L1) số tiền 1.500.000.000đ, hẹn 3 ngày hoàn trả". Số tiền nhận được T đã chuyển trả nợ cho bà Phan Thị Hồng L3 1.300.000.000đ, 200.000.000đ còn lại T chuyển cho bà Lê Thị H để trả nợ tiền lãi, đến nay T vẫn chưa trả cho bà L1 bất cứ khoản tiền nào.

Kết quả trích xuất dữ liệu điện thoại của Hoàng Anh T và bà Nguyễn Thị Kim L1 thể hiện ngày 08/02/2022, việc T đặt vấn đề để vay tiền của bà L1, hẹn 03 ngày hoàn trả là đúng.

Kết quả xác minh tài khoản số 102873746134 của Hoàng Anh T mở tại ngân hàng V2, tài khoản số 50505979 của bà Phan Thị Hồng L3 (mở tại ngân hàng M1), tài khoản số 100860059669 của bà Lê Thị H (mở tại ngân hàng V3), cùng lời khai của bà L3, bà H tại Cơ quan điều tra đủ căn cứ xác định: việc T chuyển số tiền 1.500.000.000đ vay được từ bà Nguyễn Thị Kim L1 để trả nợ cho bà Phan Thị Hồng L3, Lê Thị H.

Số tiền bị hại Nguyễn Thị Kim L1 bị Hoàng Anh T chiếm đoạt là 1.500.000.000đ (BL 369-375, 431-438).

*3. Lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hoàng N2 số tiền 4.743.050.000đ (Bốn tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).*

Từ ngày 18/11/2021, Hoàng Anh T quen biết và bắt đầu liên hệ vay tiền của bà N2 để đáo hạn ngân hàng cho khách của T tại ngân hàng B. Khi vay tiền T viết giấy mượn tiền, hẹn thời gian vay từ khoảng từ 02 đến 03 ngày sẽ trả lại tiền tiền gốc, tiền lãi cho bà N2. Lãi suất thỏa thuận miệng là 3.500đ/01 triệu/ 01 ngày, ban đầu Trúc chia phần tiền lãi cho bà N2 sau khi khách hàng đáo hạn trả cho T, sau đó hai bên thỏa thuận bà N2 cắt lãi trước trong số tiền cho T vay và cho nợ gối đầu các khoản vay tiền diễn ra nhiều lần viết thành giấy mượn tiền mới, đồng thời T cũng tiếp tục trả tiền gốc, tiền lãi cho bà N2.

Đến ngày 24/01/2022, T và bà N2 chốt lại qua tin nhắn Z xác nhận việc bà T nợ bà N2 tổng cộng số tiền 14,5 tỷ đồng (trong đó có khoản vay và nợ gối đầu).

+ Ngày 25/01/2022, T trả cho bà N2 số tiền 10 tỷ đồng và còn nợ lại bà N2 số tiền 4,5 tỷ đồng. Cùng ngày này, do cần tiền để trả nợ nên T liên lạc, trao đổi với bà N2 đưa ra thông tin gian dối về việc cần số tiền 9,5 tỷ đồng để đáo hạn cho các khách hàng Phạm Văn T2 - Nguyễn Thị H5 và Dương Hoàng L4, đề nghị bà N2 cho vay thêm tiền để đáo hạn cho các khách hàng này. Do trước đây T là người quản lý hồ sơ vay tiền của khách hàng Phạm Văn T2 - Nguyễn Thị H5, Dương Hoàng L4 (đã vay tiền tại ngân hàng B chi nhánh Đ1 trước đó). Để cho bà N2 tin tưởng T đã chụp lại các văn bản cấp vốn tín dụng cũ của ông T2 – bà H5, ông L4 chỉnh sửa và thay đổi: số tiền, thời gian vay, lãi suất vay gửi qua Zalo. Sau đó T gửi hình ảnh 02 (hai) văn bản tái cấp vốn (đã được chỉnh

sửa) cho bà N2 thể hiện: khách hàng Nguyễn Thị H5, Phan Văn T3 được cấp hạn mức tín dụng 5,55 tỷ đồng; khách hàng Dương Hoàng L4 được nâng hạn mức số tiền 04 tỷ đồng". T đề nghị bà N2 cho T vay thêm 01 tỷ đồng, cùng với 4,5 tỷ đồng còn nợ chưa trả để làm hồ sơ đáo hạn 5,5 tỷ đồng cho ông bà H5 - T3; đồng thời đề nghị bà N2 cho vay thêm 04 tỷ đồng để T làm hồ sơ cho ông Dương Hoàng L4. Tin tưởng T nên bà N2 đã chuyển cho T 4.942.250.000đ sau khi trừ trước tiền lãi theo lãi suất 3500đ/01 triệu/01 ngày.

Tổng cộng ngày 25/01/2022, T vay của bà N2 số tiền 05 tỷ đồng (thực nhận 4.942.250.000đ). Cùng với khoản nợ cũ 4,5 tỷ đồng chưa trả trước đó, T viết giấy mượn tiền đề ngày 25/01/2022 nội dung T mượn bà N2 số tiền 9,5 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn mượn là 03 ngày kể từ ngày 25/01/2022 đến ngày 27/01/2022.

Sau khi nhận được số tiền 4.942.250.000đ bà N2 chuyển vào ngày 25/01/2022, T không đáo hạn cho khách hàng mà dùng số tiền này để trả nợ cho các chủ nợ, cụ thể: trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim N 04 tỷ đồng; trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích N3 517 triệu đồng; trả nợ cho bà Trương Thị Vân A1 204 triệu đồng; đóng huê cho Hồ Văn T4 56 triệu đồng; trả tiền lãi cho chính bà N3 42 triệu đồng (do chưa trừ lãi khoản 04 tỷ T nói làm đáo hạn cho ông Dương Hoàng L4), sử dụng tiêu xài cá nhân 3.250.000đ. Như vậy trong ngày 25/01/2022 Hoàng Anh T đã chiếm đoạt của bà N3 số tiền 4.942.250.000đ.

+ Ngày 26/01/2022, T đặt vấn đề với bà N3 vay số tiền 2,5 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng cho ông Vũ Xuân T5 làm tại ngân hàng S, bà N3 đồng ý. Trúc viết giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2022 nội dung T mượn số tiền 2,5 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn mượn là 03 ngày kể từ ngày 26/01/2022 đến ngày 28/01/2022…". Hai bên thỏa thuận là 3.500đ/01 triệu/01 ngày, bà N3 cắt tiền lãi trước khoản tiền vay và chuyển qua tài khoản cho T số tiền 2.454.500.000đ thống nhất 45,5 triệu đồng là tiền lãi. Số tiền vay được của bà N3, T sử dụng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim N qua việc chuyển khoản cho bà N, bà Nguyễn Thị Minh T6 (theo yêu cầu của bà N) và Hoàng Anh T7 (theo yêu cầu của T và bà N).

Ngày 27/01/2022 đến thời hạn trả nợ cho bà N3 khoản vay 9,5 tỷ đồng theo giấy mượn ngày 25/01/2022, T không có tiền trả nên đã nhờ bà Nguyễn Thị N4 giả làm khách hàng đáo hạn ngân hàng vay số tiền 5,9 tỷ đồng. Tiếp đó T nói với bà N3 có bà N4 cần đáo hạn ngân hàng vay số tiền 5,9 tỷ đồng tại ngân hàng B, T đề nghị chuyển 5,9 tỷ đồng trong số tiền 9,5 tỷ đồng còn nợ để cho bà N4 vay. Bà N3 đồng ý nhưng yêu cầu gặp bà N4 để xác nhận. Sau đó ba bên gặp nhau xác nhận việc bà N4 vay là đúng. Bà N4 viết giấy mượn tiền đề ngày 27/01/2022 nội dung bà N4 mượn bà N3 số tiền 5,9 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn mượn là 12 ngày kể từ ngày 27/01/2022 đến ngày 07/02/2022…". T ký tên người bảo lãnh trong giấy mượn tiền này. Việc T nhờ bà N4 như trên

nhằm mục đích khất nợ bà N3, bà N4 không được hưởng bất cứ lợi ích vật chất gì khi giúp T.

Ngày 28/01/2022, khi đến hạn trả tiền bà N3 đến nhà T đòi tiền nhưng T không có tiền để trả. Bà N3 chốt nợ số tiền 2,5 tỷ đồng (theo giấy mượn ngày 26/01/2022) và số tiền 3,6 tỷ đồng (do 9,5 tỷ đồng theo giấy mượn ngày 25/01/2022 thống nhất đã cho bà N4 vay 5.9 tỷ đồng) cộng với 50 triệu đồng nợ cũ không giấy tờ thì T nợ bà N3 số tiền 6.150.000.000đ. T viết giấy mượn tiền thể hiện nội dung "vợ chồng T - C mượn của bà N3 số tiền 6.150.000.000đ (sáu tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả là 10 ngày (07/02/2022) và chồng T - C ký tên xác nhận".

Đến ngày 08/02/2022, T nhờ ông C chuyển số tiền 2,1 tỷ đồng vào tài khoản của bà N3 để trả nợ cho khoản vay 2,5 tỷ đồng ngày 26/01/2022. Cùng ngày 08/2/2022, T vay thêm bà N3 số tiền 800 triệu đồng để trả nợ nhưng hai bên không làm giấy tờ gì ghi nhận. Ngoài các giao dịch trên, qua tài liệu sao kê ngân hàng cùng lời khai của Hoàng Anh T và Nguyễn Thị Hoàng N2 xác nhận: từ ngày 27/01/2022 đến ngày 08/02/2022, T chuyển cho bà N2 nhiều lần số tiền là 553.700.000đ tiền lãi cho tất cả khoản nợ.

Sau khi Hoàng Anh T không có khả năng chi trả, bà N2 có đơn gửi đến Cơ quan điều tra tố cáo T có hành vi chiếm đoạt bà N2 số tiền 10,7 tỷ đồng chưa trả (gồm 9,5 tỷ đồng ngày 25/01/2022 chưa trả; 400 triệu (trong khoản nợ 2,5 tỷ đồng mới chỉ trả được 2,1 tỷ đồng vào ngảy 08/02/2022); 800 triệu đồng vay ngày 08/2/2022 nhưng không có giấy tờ ghi nhận).

Căn cứ những tài liệu chứng cứ thu thập được xác định: Hoàng Anh T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hoàng N2 số tiền 4.743.050.000đ (BL1539-1558).

Việc T nhờ bà N4 viết giấy mượn tiền đề ngày 27/01/2022 nội dung bà N4 mượn bà N2 số tiền 5,9 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng nhằm mục đích khất nợ với bà N2. Việc viết giấy mượn diễn ra sau thời điểm vay mượn, bà N4 không được hưởng bất cứ lợi ích vật chất gì khi giúp Trúc việc này. Sau khi bà N4 viết giấy mượn T không chiếm đoạt thêm khoản tiền nào của bà N2. Do đó không có căn cứ để xem xét xử lý đối với hành vi của bà N4.

*4. Lừa đảo chiếm đoạt của bà Trương Thị Vân A1 số tiền 9.754.000.000đ (Chín tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu đồng).*

Từ tháng 8/2021, Hoàng Anh T và bà Trương Thị Vân A1 phát sinh quan hệ giao dịch vay mượn tiền để làm đáo hạn ngân hàng với lãi suất thoả thuận là 4000đ/01 triệu/01 ngày. Việc vay mượn tiền thì có việc nhận tiền vay, trả tiền gốc và tiền lãi giữa các bên. Tất cả các giao dịch vay mượn và trả lại tiền vay, trả lãi được Hoàng Anh T và Trương Thị Vân A1 thực hiện qua giao dịch chuyển khoản. Trong đó, Hoàng Anh T sử dụng các số tài khoản: Tài khoản ngân hàng S; tài khoản Ngân hàng V3 số: 102873746134; Tài khoản ngân hàng

B1; tài khoản Ngân hàng M2 số 100708403939 của T và sử dụng tài khoản của Hoàng Anh T7 (là chị gái của T), tài khoản Ngân hàng V4 số 0071003312506 để chuyển khoản trả cho bà Vân A1. Bà Trương Thị Vân A1 sử dụng các tài khoản Ngân hàng S số 050129997076 và V4 số 0561000556077 để giao dịch với Hoàng Anh T.

Từ tháng 08/2021 đến ngày 12/01/2022 các bên giao dịch cho vay và trả tiền gốc, tiền lãi cho nhau rất nhiều lần. Đến ngày 12/01/2022, bà Trương Thị Vân A1 và Hoàng Anh T chốt lại với nhau số tiền T còn nợ Vân A1 là 10.800.000.000 đồng. Các bên không ghi giấy tờ mà xác nhận với nhau bằng tin nhắn.

Từ ngày 12/01/2022 đến 26/01/2022 giữa các bên tiếp tục phát sinh nhiều giao dịch vay mượn tiền, trong đó có các giao dịch sau:

- Ngày 12/01/2022, Hoàng Anh T chuyển khoản trả số tiền 8.000.000.000 đồng cho bà Trương Thị Vân A1 để trả cho khoản nợ 10.800.000.000 đồng. Cùng ngày 12/01/2022, do cần tiền để trả nợ nên Hoàng Anh T nói dối với bà Vân A1 có hồ sơ khách hàng mang tên Đặng Khắc L5 cần đáo hạn là 4.640.000.000 đồng. Trúc chụp giấy ghi "Hồ sơ tín dụng" có thông tin của khách hàng Đặng Khắc L5 gửi qua Zalo cho Vân A1. T nói với Vân A1 là có thêm hồ sơ đáo hạn (không nói rõ hồ sơ nào) cần 5,8 tỷ đồng, T nhắn tin cho Vân A1 nói đang ở phòng công chứng nên chưa chụp hồ sơ được. Sau khi T đặt vấn đề như vậy thì Vân A1 chỉ đồng ý cho T vay số tiền 7.600.000.000 đồng để làm đáo hạn hai hồ sơ trên, sau khi Vân A1 tính toán, cắt lãi trước 336 triệu đồng (lãi của khoản vay mới và khoản vay cũ còn nợ lại) và chuyển cho T thực nhận số tiền 7.264.000.000 đồng vào tài khoản V3 của T, hẹn thời hạn trả là 06 ngày. Các bên chỉ thoả thuận qua tin nhắn chứ không ghi giấy tờ gì. Sau khi vay tiền, T không sử dụng để đáo hạn mà dùng để trả nợ cho các ông bà: Phạm Minh D1 (56 triệu đồng), Mai Thị L6 (78 triệu đồng), Phạm Thị Thanh T8 (66 triệu đồng), Phan Đôn H6 (01 tỷ đồng), Nguyễn Thị Bích N3 (03 tỷ đồng), Đậu Thị Hồng L7 (335,2 triệu đồng), số tiền của Vân A1 chuyển còn trong tài khoản T lúc đó là 2.723.800.000 đồng. Khoản vay này đến nay T chưa trả lại được cho bà Vân A1.

Tối ngày 12/01/2022, T đặt vấn đề vay tiền của Vân A1 để làm đáo hạn Ngân hàng cho 03 hồ sơ đáo hạn: Một hồ sơ là 3,2 tỷ đồng và một hồ sơ là 02 tỷ đồng, một hồ sơ đáo hạn trong hai ngày là 1,2 tỷ đồng (đều không nói rõ là đáo hạn cho khách hàng nào). Khi nghe vậy, Vân A1 báo cho T là chỉ có 02 tỷ đồng, sau đó nhắn tin cho T là có thêm 500 triệu đồng nữa và đồng ý cho T vay 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 ngày. Ngày 13/01/2022, sau khi Vân A1 tính toán, cắt trước tiền lãi của 01 ngày, Vân A1 chuyển vào tài khoản V3 của T số tiền thực nhận là 2.491.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, T không sử dụng để đáo hạn mà sử dụng số tiền này cùng số tiền còn trong tài khoản (2.723.800.000 đồng) để trả nợ cho bà Lê Thị H số tiền 7,1 tỷ đồng (trong đó có 5.213.800.000

đồng là của bà Vân A1). Khoản vay này đến nay T chưa trả lại được cho bà Vân A1.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng B xác định được tại Ngân hàng B có hồ sơ vay vốn của ông Đặng Khắc L5 nhưng hồ sơ này về số tiền, số hợp đồng, thời hạn vay khác với thông tin T gửi cho Vân A1 và các hồ sơ này đã được tất toán trước 20/4/2020 (trước thời gian T đưa thông tin để vay tiền Vân Anh tháng 01/2022).

Như vậy tổng số tiền T đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Trương Thị Vân A1 đối với các khoản vay ngày 12/01/2022 và 13/01/2022 là 9.755.000.000đ.

Ngoài hai lần vay tiền trên, từ ngày 12/01/2022 đến ngày 26/01/2022, T có đưa ra thông tin gian dối để vay của bà Vân A1 một số khoản tiền, tuy nhiên sau đó T đã trả lại đầy đủ cho bà Vân A1. Một số khoản vay khác T vay của bà Vân A1 đến nay chưa trả bao gồm: số tiền 2.800.000.000 đồng (là khoản tiền hai bên chốt lại ngày 12/01/2022 tổng số tiền nợ là 10,8 tỷ đồng, nhưng T mới trả được 08 tỷ đồng); vay bà Vân A1 số tiền 3.934.400.000 đồng vào ngày 26/01/2022 đến nay chưa trả. Tuy nhiên, các khoản vay này chỉ là giao dịch dân sự giữa các bên.

Ngày 22/01/2022 T chuyển trả cho bà Vân A1 số tiền 104,8 triệu đồng tiền lãi cho tổng khoản nợ tính đến ngày 21/01/2022 (các bên tính toán là 154,8 triệu đồng, T còn nợ lại 50 triệu đồng); Ngày 25/01/2022 T chuyển trả cho bà Vân A1 số tiền 204 triệu đồng tiền lãi cho tổng khoản nợ tính đến ngày 25/01/2022. Tổng cộng T đã chuyển cho bà Vân A1 số tiền 308,8 triệu đồng (BL: 1105-1117, 2983-2985).

*5. Lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Quá trình công tác tại ngân hàng B – chi nhánh Đ1, Hoàng Anh T có quen biết và vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Kim N để đáo hạn ngân hàng từ tháng 11/2020 với lãi suất từ 3.500đ/01 triệu đồng/01 ngày, các khoản vay Trúc chỉ trả lãi chứ không trả gốc cho bà N. Đến tháng 05/2021 tổng số tiền T đã vay bà N được hai bên chốt lại là 07 tỷ đồng, cả hai thống nhất đây là khoản tiền vay cứng, vào sáng ngày thứ 4 hàng tuần T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền lãi là 157.500.000đ của khoản này, tiền gốc phải trình diện cho bà N.

Ngoài khoản tiền cố định nêu trên, T còn vay bà N nhiều khoản tiền khác với lãi suất 3000đ/01 triệu đồng/01 ngày, các khoản vay này trong thời hạn 02-03 ngày phải trả gốc và lãi. Về cách thức trả lãi, bà N không lấy lãi trước mà đến thời hạn T phải trả lãi và gốc cho bà N. Nếu T trả đủ tiền lãi thì khoản nợ sẽ được gạch sổ, nếu T trả thiếu thì tiền nợ gốc và lãi các bên sẽ tính toán vào số tiền tổng nợ và T tiếp tục trả cho đến khi dứt điểm. Hàng tuần T phải trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi dứt điểm cho bà N thì mới cho vay khoản mới. Hai bên thống nhất chiều ngày thứ 6 hàng tuần thì T và bà N cùng chốt lại việc vay mượn, việc

tính toán thì bà N sẽ tính toán rồi báo T con số tổng để T viết giấy nợ cho bà N. Sau đó đến tuần tiếp theo bà N tiếp tục cho T vay khoản mới, nợ cũ vẫn còn theo giấy nợ tuần trước đã chốt, đến chiều thứ 6 của tuần mới tiếp tục tính toán cộng lại các khoản nợ thành giấy nợ mới, giấy nợ cũ không tính nữa. Cứ như vậy hai bên có quá trình làm ăn qua lại, chuyển tiền cho nhau liên tục đến tháng 01/2021.

Quá trình giao dịch với nhau, Hoàng Anh T sử dụng các số tài khoản: Tài khoản ngân hàng S; tài khoản Ngân hàng V3 số: 102873746134; tài khoản ngân hàng B1; tài khoản Ngân hàng M2 số 100708403939. Bà Nguyễn Thị Kim N sử dụng các tài khoản ngân hàng: tài khoản số: 0979435516 mở tại Ngân hàng Q1 (M2); mở tại Ngân hàng K (T19) tài khoản số: 30458308; tài khoản số: 664610000283622 mở tại Ngân hàng B1; tài khoản số 05007068826 mở tại Ngân hàng S; tài khoản tên "KimNhư", tài khoản số 105874721237 mở tại Ngân hàng V3.

Tháng 10/2021, Hoàng Anh T đã nợ tiền của nhiều người với số tiền lên đến vài chục tỷ đồng. Thời điểm này T không còn vay tiền để làm đáo hạn cho khách hàng nữa, tuy nhiên T vẫn nói dối với bà Nguyễn Thị Kim N là T vay tiền để làm hồ sơ đáo hạn cho khách hàng.

Đến tháng 01/2021, hàng ngày hai bên có rất nhiều giao dịch chuyển tiền qua lại với nhau. Vào buổi tối ngày hôm trước bà N sẽ tính toán các khoản tiền lãi T phải trả và hôm sau T sẽ phải trả cho bà N. Ngày hôm sau nếu T thông báo có hồ sơ và muốn mượn thêm khoản mới để đáo hạn cho khách hàng, thì bà N sẽ tính toán trừ đi tiền lãi đã tính vào tối ngày hôm trước và tiền lãi của số nợ mới rồi chuyển cho T số tiền tương ứng sau khi đã trừ lãi. Theo thoả thuận đến ngày trả nợ thì T phải trả đủ gốc và lãi cho bà N, trong trường hợp T chuyển trả không đủ, xin nợ lại một phần thì bà N tiếp tục tính toán chốt vào tổng số nợ.

Trong ngày 26/01/2022, T chuyển trả quay đầu cho bà N số tiền 10 tỷ đồng. Đây là tiền thanh toán các khoản nợ phát sinh từ ngày 21/01/2022 đến ngày 25/01/2022. Còn khoản tiền 07 tỷ đồng nợ tiền cứng (từ năm 2021) và các khoản nợ trước đó T chưa trả được đã chốt vào tổng nợ trước đó thì T chưa trả được. Bà N và T tính toán số nợ T đã nợ bà N tính đến ngày 26/01/2022 là hơn 15,5 tỷ đồng.

Đến tối ngày 26/01/2022, các bên trao đổi với nhau qua tin nhắn, bà N có hỏi T còn nợ bà N bao nhiêu thì T xác nhận còn nợ bà N 15,5 tỷ đồng. Sau đó bà N nói ngày mai (27/01/2022) sẽ cho T vay 07 tỷ, ngoài ra các bên không trao đổi thông tin gì khác, T không nói với bà N sẽ đáo hạn cho khách hàng nào, cụ thể hồ sơ nào, bao nhiêu tiền. Trong ngày 27/01/2022, sau khi tính toán trừ trước tiền lãi, bà N đã chuyển tiền cho T vay 6.650.000.000đ. Số tiền vay được cùng với tiền còn trong tài khoản, T dùng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hoàng N2 05 tỷ đồng và trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích N3 02 tỷ đồng. Đến nay T chưa trả lại cho bà N tiền gốc đối với khoản vay vào ngày 27/01/2022.

Buổi tối ngày 27/01/2022, do cần tiền để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hoàng N2 vào ngày 28/01/2022 nên T nảy sinh ý định tiếp tục vay tiền của bà N để trả cho bà N2. Vì vậy T nhắn tin Z nói với bà N ngày mai (28/01/2022) cần tiền để làm 04 hồ sơ đáo hạn cho khách hàng, đồng thời gửi qua tin nhắn Zalo ảnh chụp 04 văn bản thông báo cho vay của ngân hàng B đối với 04 khách hàng: Nguyễn Thị N4 có hồ sơ vay số tiền 5,9 tỷ đồng; Phạm Đình T9 – Lý Thị Thanh T10 có hồ sơ vay số tiền 2,5 tỷ đồng; Nguyễn Đức M có hồ sơ vay 03 tỷ đồng; Nguyễn Văn H7 có hồ sơ vay 3,7 tỷ đồng. T đề nghị bà N cho vay số tiền 3,2 tỷ để làm 04 (bốn) hồ sơ cho khách hàng này, nếu không qua tết thì T sẽ "rớt ghế". Đây là những khách hàng cũ đã vay ngân hàng trước đó, ngày 27/01/2022 những người này không có hồ sơ vay mới, cũng không tới hạn tái cấp. Ảnh chụp các thông báo cho vay này thì Trúc tự làm ra bằng việc chỉnh sửa hình ảnh theo trình duyệt sửa ảnh trên máy tính, chỉnh sửa ngày tháng, số tiền, thời gian vay để gửi cho bà N tin tưởng. Còn lại các nội dung khác để nguyên văn bản cũ đã có chữ ký của Giám đốc và đóng dấu của ngân hàng B. Trước đó hình ảnh này T cũng đã gửi cho các bị hại khác như bà Nguyễn Thị Hoàng N2, Trương Thị Vân A1 để vay tiền.

Sáng ngày 28/01/2022, bà N chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng MB của T số tiền 4.000.000.000đ. T chuyển trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hoàng N2 450 triệu đồng, chuyển trả lại 2.650.000.000đ vào tài khoản cho bà Nguyễn Thị Kim N. Còn lại 900 triệu đồng, ngay trong ngày 28/01/2022 T đã trả nợ cho những người sau: trả tiền lãi cho chính bà N 342 triệu đồng, trả nợ cho bà Trương Thị Vân A1 150 triệu đồng, trả cho ông Phan Đôn H6 78 triệu đồng, trả cho ông Hoàng Văn A 30 triệu đồng, bà Mai Thị L6 35 triệu đồng, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Ngọc T11 325 triệu đồng.

Đến ngày 28/01/2022, T không chuyển trả cho bà N bất cứ khoản tiền nào, bà N tính toán chốt nợ lại T nợ bà N tổng cộng 23,7 tỷ đồng, yêu cầu viết giấy mượn tiền để chốt nợ. T đã viết giấy mượn tiền vào ngày 28/01/2022, tuy nhiên giấy mượn ghi nhầm thành ngày 28/02/2022, nội dung T vay 24.650.000.000đ (Hai mươi bốn tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn: 20 ngày, mục đích đáo hạn ngân hàng, phía dưới phần bên mượn ký, ghi họ tên Hoàng Anh T. Từ ngày chốt nợ đến nay T không trả cho bà N bất cứ khoản tiền nào.

Như vậy, Hoàng Anh T đã có hành vi gian dối để vay 04 tỷ đồng của bà N, trong đó có trả lại cho bà N số tiền 2.650.000.000đ còn lại chiếm đoạt số tiền 1.350.000.000đ .

Đối với khoản tiền 15,5 tỷ đồng Trúc nợ bà N kể từ ngày 26/01/2021 trở về trước là khoản tiền các bên chốt nợ với nhau, khoản vay 6.650.000.000đ ngày 27/01/2022 trước đó cả bà N và T không nói gì việc T đáo hạn cho hồ sơ nào, bao nhiêu hồ sơ mà trong cuộc nói chuyện, bà N nói với T: ngày mai

(27/01/2022) sẽ đưa cho T 07 tỷ đồng. Do đó các khoản nợ này chỉ là giao dịch dân sự giữa các bên (BL: 712-730, 1155-1156).

*6. Lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị H số tiền 14.448.000.000đ (Mười bốn tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng).*

Bà Lê Thị H quen biết với Hoàng Anh T7 từ năm 2012 thông qua quan hệ kinh doanh mua bán đất đai. Tháng 08/2021, T7 nói với bà H em gái của T7 tên Hoàng Anh T là nhân viên ngân hàng B, thường làm thủ tục đáo hạn cho khách hàng. Vào thời gian đầu, T7 nhờ bà H đứng ra nhận giùm một khoản tiền T7 vay từ bà Phan Thị Hồng L3 (ngụ Khu Q, phường E, thành phố Đ) để đưa cho T làm đáo hạn kiếm lời, tuy nhiên T7 không muốn cho T biết T7 vay bà L3 nên nhờ bà H nói với T đó là tiền của bà H. Bà H đồng ý đứng ra nhận giúp T7, sau đó T chuyển trả lại cho bà H thì bà H đã chuyển lại cho T7.

Sau đó, T7 rủ bà H cùng góp tiền đưa cho T làm đáo hạn để kiếm tiền lời, bà H nói nếu có hồ sơ rõ ràng, chắc chắn thì bà H đồng ý làm. Cả ba người lập nên một nhóm Zalo chung để T gửi thông tin hồ sơ lên nhóm, sau đó bà H chuyển tiền cho T7 để T7 chuyển đưa cho T làm đáo hạn. Cả ba thoả thuận miệng khi đáo hạn cho khách T sẽ lấy lãi suất 5.000đ/01 triệu 01/ngày, khi khách trả tiền lãi thì phần bà H sẽ được hưởng tương ứng lãi suất 3000đ/01 triệu/01 ngày, còn 2000đ/01 triệu/ 01 ngày là của T7 và T. Do thấy việc làm ăn diễn ra thuận lợi, T chuyển trả tiền lãi tiền gốc lại đầy đủ nên bà H tin tưởng hồ sơ đáo hạn là có thật, từ đó bà H đã huy động nhiều nguồn tiền từ người thân, người quen để đưa cho T. T7 là người trung gian nhận tiền từ bà H, nếu thiếu tiền thì T7 sẽ bù cho đủ số tiền tương ứng hồ sơ T gửi lên nhóm. Vào buổi chiều cùng ngày, T sẽ gửi cho bà H bản gốc giấy mượn tiền có nội dung khách hàng đáo hạn xác nhận nợ với bà H theo số tiền tương ứng T đưa thông tin lên nhóm.

Quá trình giao dịch với nhau, Hoàng Anh T sử dụng các số tài khoản: Tài khoản ngân hàng S; tài khoản Ngân hàng V3 số: 102873746134; Tài khoản ngân hàng B1; tài khoản Ngân hàng M2 số 100708403939, tài khoản số 490001060001779.

Bà Lê Thị H sử dụng các tài khoản ngân hàng: hai tài khoản số: 7690123456777, 1600199419669 mở tại Ngân hàng Q1 (M2); hai tài khoản số: 19037585599011, 19037585599028 mở tại Ngân hàng K (T19); tài khoản số: 641110000826873 mở tại Ngân hàng B1; hai tài khoản số 100860059669, 101868612657 mở tại Ngân hàng V3.

Hoàng Anh T7 sử dụng các tài khoản ngân hàng: tài khoản số: 00710033125018 mở tại Ngân hàng N7 (V4); tài khoản số: 19029101825018 mở tại Ngân hàng K (T19); tài khoản số: 64110001022443 mở tại Ngân hàng B1; tài khoản số 10487970236 mở tại Ngân hàng V3; tài khoản số 98683868 mở tại Ngân hàng A2.

Về cách thức giao dịch giữa Hoàng Anh T và bà H, các bên thoả thuận và thống nhất thực hiện như sau: Trong một tuần, bà H cho T vay 03 (ba) dây vay khác nhau:

- Dây thứ nhất: Vay ngày thứ 2 và phải chuyển trả quay đầu vào ngày thứ 4 hàng tuần. Ngày thứ 2 sau khi T đưa thông tin hồ sơ lên nhóm thì bà H trừ lãi trước của 03 ngày, rồi chuyển tiền gốc còn lại cho T. Đến ngày thứ 4 thì T trả lại đủ lại tiền gốc đã thoả thuận ban đầu. Chiều thứ 4 thì bà H sẽ cho vay lại nhưng T sẽ đưa thông tin hồ sơ mới (không có thật) để tăng số tiền lên hơn số tiền gốc của lần đầu để có tiền bù đắp khoản lãi bị hụt do T phải mượn của người khác để trả cho bà H. Đến thứ 6 thì T phải tiếp tục trả gốc và lãi cho bà H. Cứ như vậy kéo dài, tiền gốc vay mượn ngày càng tăng thêm do T phải bù đắp tiền lãi cho mỗi lần chuyển trả.

- Dây thứ hai: Cũng như trên nhưng T vay vào ngày thứ 3, sáng thứ 5 Trúc phải trả tiền gốc, tiền lãi. Chiều thứ 5 thì bà H cho T vay lại khoản vay cao hơn, đến sáng thứ 7 T phải trả gốc và lãi. Cứ như vậy kéo dài và số tiền vay ngày càng tăng lên. Cách thức cũng như dây thứ nhất.

- Dây thứ ba: Ngày thứ 5 vay thì đến sáng ngày thứ 2 Trúc phải trả gốc, lãi. Khoản vay này thì không cho quay đầu mà khi nào bà H nói nhàn rỗi sẽ cho vay. Cứ lặp đi lặp lại số tiền ngày càng tăng lên.

Quá trình bà H chuyển tiền cho vay để T làm đáo hạn, T chuyển trả quay đầu cho bà H kéo dài từ tháng 08/2021 đến tháng 01/2022. Thời điểm tháng 10/2021, T đã nợ tiền của nhiều người, tuy nhiên T không nói cho bà H và T7 biết, thực tế số tiền vay được T không làm đáo hạn mà xoay vòng tiền của người này trả cho người kia. Trong trường hợp không xoay được tiền để trả quay đầu cho bà H thì T tiếp tục đưa thông tin lên nhóm về việc có hồ sơ làm đáo hạn, tiền còn nợ bà H sẽ không được chuyển quay về mà để lại làm đáo hạn cho hồ sơ mới, đồng thời bà H chuyển thêm tiền cho đủ theo yêu cầu của T.

Tính đến ngày 19/01/2022, đối với 03 dây vay tiền mà T vay bà H từ tháng 08/2021 T đều còn nợ tiền của bà H nhưng chưa trả quay đầu được. Hàng ngày các chủ nợ liên tục gọi hỏi đòi nợ, do đó T nảy sinh ý định vay tiền của bà H để trả nợ, T tiếp tục làm giả các hồ sơ tín dụng gửi lên nhóm Z1, đồng thời đề nghị bà H chuyển thêm tiền cho T làm đáo hạn. Sau khi bà H chuyển tiền T đã dùng số tiền nhận được chuyển trả nợ cho các chủ nợ mà không thông báo gì cho bà H, cụ thể như sau:

- Trưa ngày 19/01/2022, T nhắn lên nhóm Zalo hình ảnh hồ sơ tín dụng (do T làm giả trước đó bằng máy tính tại ngân hàng) của 03 khách hàng: Nguyễn Thị Kim C1, Lê Quang L8, Công ty cổ phần Đ2, tổng cộng ba hồ sơ cần 13,3 tỷ đồng. T tính toán dây vay thứ nhất này hiện T còn nợ bà H 9,5 tỷ đồng, trừ thêm 399 triệu đồng tiền lãi trước và đề nghị bà H chuyển cho T 3.410.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm mười triệu đồng). Tin tưởng nên nên bà H đã chuyển số tiền này vào tài khoản ngân hàng V3 của T. Sau khi nhận được tiền, T dùng trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim N (cũng là người tố giác có đơn tố cáo T đến Cơ quan điều tra) mà không thông báo gì với bà H.

- Ngày 20/01/2022, T nhắn lên nhóm Zalo hình ảnh hồ sơ tín dụng (do T làm giả trước đó bằng máy tính tại ngân hàng) của 03 khách hàng: Ông bà

Nguyễn Văn H7 – H, Nguyễn Phạm Thành L9 – Nguyễn Thị Khánh V1, Nguyễn Quốc T12 – Võ Thị Như Ý, tổng cộng ba hồ sơ cần 11,7 tỷ đồng. T tính toán dây vay thứ hai này T còn nợ bà H 3,3 tỷ đồng, trừ thêm 351 triệu đồng tiền lãi trước và đề nghị bà H chuyển cho T 8.049.000.000đ (Tám tỷ không trăm bốn mươi chín triệu đồng). Bà H tin tưởng có hồ sơ thật nên đã chuyển cho T 4.049.000.000đ (Bốn tỷ không trăm bốn mươi chín triệu đồng), đồng thời nhờ người quen là bà Lương Thụy N5 Giao chuyển cho T 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng). Bà G chỉ chuyển tiền giúp bà H ngoài ra từ trước đến nay bà G không liên hệ, không làm ăn, không giao dịch gì với T. Sau khi nhận được tiền từ tài khoản của bà H và bà G, T sử dụng để chuyển trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hoàng N2 7.820.000.000đ (Bảy tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng) và trả nợ cho bà Đậu Thị Hồng L7 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Việc trả nợ cho bà N2, bà L7 thì T không thông báo gì cho bà H.

- Ngày 21/01/2022, T nhắn lên nhóm Zalo hình ảnh hồ sơ tín dụng (do T làm giả trước đó bằng máy tính tại ngân hàng) của 03 khách hàng: Ông bà Phan Anh T13 – Lê Thị Thanh T14, Trần Thị C2, Hoàng Văn T15, tổng cộng ba hồ sơ cần 13,7 tỷ đồng. Trúc tính toán dây vay thứ ba này T còn nợ bà H 10, 3 tỷ đồng, trừ thêm 411 triệu đồng tiền lãi trước và đề nghị bà H chuyển tiền vào tài khoản của T7 cho T số tiền 2.989.000.000đ (Hai tỷ chín trăm tám mươi chín triệu đồng). Tin tưởng nên bà H đã chuyển số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) vào tài khoản của T7 (chuyển nhiều hơn tiền thực tế T yêu cầu rồi sẽ tính toán đưa tiền dư lại sau), sau đó T đề nghị T7 chuyển hết số tiền này sang cho tài khoản của T. Sau khi nhận tiền từ T7, T đã chuyển khoản để trả nợ cho bà Phan Thị Hồng L3 1,4 tỷ đồng, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hoàng N2 1,5 tỷ đồng, trả tiền lãi cho ông Hoàng Văn A 30 triệu đồng, còn lại cùng số tiền trong tài khoản T trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích N3 250 triệu đồng.

Từ ngày 22/01/2022 -28/01/2022, T không chuyển trả cho bà H khoản tiền gốc nào. Bà H có hỏi đòi thì mỗi ngày T tiếp tục đưa ảnh chụp các hồ sơ (do T làm giả) và trao đổi với bà H nguồn tiền của bà Hương T16 tiếp tục để lại làm các hồ sơ đáo hạn mới. Ngày 25/01/2022, T16 nhắn lên nhóm nói là có 03 hồ sơ mới, bà H đồng ý nên sau đó T16 tính toán trừ lãi lời còn dư và chuyển lại cho bà H 199.500.000đ. Ngày 29/01/2022, T16 chuyển cho bà H 50 triệu đồng. Ngày 08/02/2022, bà H yêu cầu T16 phải trả tiền để bà H trả cho người khác, T16 chuyển cho bà H 300 triệu đồng.

Ngày 10/02/2022, T16 bể nợ và đi khỏi địa phương, bà H liên lạc không được nên liên hệ và yêu cầu Hoàng Anh T7 chốt nợ cho bà H. Hoàng Anh T7 đã ghi cho bà H hai giấy mượn tiền đề ngày 05/10/2022 (ghi ngày theo yêu cầu của bà H), nội dung T7 vay của bà H 33,3 tỷ đồng, vay của Lương Thụy N5 Giao 5,5 tỷ đồng, hẹn ngày trả là 13/02/2022. Tuy nhiên sau đó T16, T7 không trả được thêm cho bà H bất kỳ khoản nào.

Như vậy, Hoàng Anh T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị H số tiền 14.448.000.000đ (Mười bốn tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng) là

tổng số tiền T đưa ra thông tin gian dối và thực nhận vào các ngày 19/01/2022, 20/01/2022 và 21/01/2022 (BL 2177-2200).

Sau khi cho vay, bà H có nhiều lần đòi tiền thì T có chuyển trả được ba lần tiền lãi vào các ngày 25/01/2022, 29/01/2022, 08/02/2022 với tổng số tiền là 549.500.000đ (Năm trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng),

Đối với khoản nợ T vay và chốt nợ với bà H diễn ra trước ngày 19/01/2022 (trước khi T đưa ra thông tin vay để đáo hạn cho 09 hồ sơ sau cùng vào các ngày 19, 20, 21/01/2022) bao gồm: 9,5 tỷ đồng của dây vay thứ nhất, 3,3 tỷ đồng của dây vay thứ hai, 10,3 tỷ đồng của dây vay thứ ba: các khoản nợ này chỉ là giao dịch dân sự giữa các bên.

Đối với hành vi của Hoàng Anh T7: Quá trình điều tra xác định việc làm các tài liệu gửi lên nhóm zalo để bà H tin tưởng cho vay T tự thực hiện một mình, không trao đổi với T7 hay người nào khác. Việc T đã nợ tiền rất nhiều người Trúc không trao đổi gì với T7, các hồ sơ đáo hạn giả T tự làm ở ngân hàng, không có sự tham gia của T7. Số tiền vay được từ bà Hương T16 sử dụng để trả nợ hết cho các chủ nợ mà không chuyển khoản tiền nào cho T7. Do đó không đủ căn cứ để kết luận Hoàng Anh T7 có hành vi đồng phạm giúp sức cho Hoàng Anh T trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị H.

*7. Lừa đảo chiếm đoạt của ông Phạm Văn Đ số tiền 2.250.000.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Ông Phạm Văn Đ mua lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV052996, thửa đất số: 560, TBĐ số: 19, địa chỉ: xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào tháng 06/2020. Ông Đ muốn thế chấp tài sản này để vay tiền ngân hàng, nhưng do bản thân đã hết hạn mức vay tiền nên đã nhờ chị dâu là bà Nguyễn Thị H5 (vợ của ông Phạm Văn T2 là anh ruột của Đ) đứng tên trên GCNQSDĐ số CV052996 từ ngày 27/01/2021, sau đó đi làm thủ tục thế chấp vay ngân hàng B số tiền 2.250.000.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Tháng 01/2021, Đ nhờ vợ chồng ông bà H5 – T2 đi làm thủ tục thế chấp GCNQSDĐ số CV052996 để vay vốn ngân hàng B số tiền 2.250.000.000đ, thời hạn vay là một năm (12 tháng). Hồ sơ vay vốn do Hoàng Anh T – là nhân viên tín dụng ngân hàng B trực tiếp thực hiện. Toàn bộ giấy tờ hồ sơ liên quan đều do Đ đứng ra giao dịch thỏa thuận và cất giữ, ông bà H5 - T2 chỉ là người ký hồ sơ vay vốn giúp cho Đ.

Ngày 25/01/2022, T liên hệ với ông Đ cho biết hồ sơ tín dụng theo GCNQSDĐ số CV052996 sắp hết hạn. Nghe vậy Đ có nhờ T giúp làm thủ tục đáo hạn ngân hàng khoản vay này theo dịch vụ. T cho biết hiện cuối năm đã hết tiền làm đáo hạn, giới thiệu Đ liên hệ với bà Trương Thị Vân A1 là người thường cho vay tiền để làm đáo hạn. Bà Vân A1 tiếp tục giới thiệu Đ với ông Nguyễn Văn Q (sinh năm: 1982, cư trú: 4 Đ, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) sẽ đứng ra cho vay. Các bên thỏa thuận ông Q cho ông Đ vay số tiền

2.250.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng, ông Phạm Văn T2 (anh ông Đ) đứng ra viết giấy vay mượn tiền, tiền vay được chuyển vào tài khoản thanh toán của chị Nguyễn Thị H5 (vợ ông T2) tại Ngân hàng B để tất toán, giải thế chấp khoản vay, thời hạn vay là 03 ngày từ ngày 25/01/2022 đến ngày 27/01/2022. Ông Q giữ lại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông T2 để làm tin.

Ngày 26/01/2022, Đ có hỏi T được giải ngân lại hồ sơ vay vốn của mình hay không. Lúc này do cần tiền để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích N3 và ông Phạm Minh D1 nên T nảy sinh ý định muốn vay của Đ số tiền được ngân hàng giải ngân để dùng vào việc trả nợ.

Vào khoảng 10 giờ ngày 27/01/2022, T cho biết giá tài sản cấp lại hồ sơ chưa được trả về lại, hồ sơ chưa được giải ngân tiền. Sau đó T cho biết hồ sơ giải ngân T sẽ giúp đỡ bảo lãnh cho giải ngân trước và tiền giải ngân chuyển về tài khoản của chị trưởng quỹ bên Ngân hàng của T. Đồng thời T nói dối với Đ hiện trong ngân hàng còn 06 (sáu) hồ sơ còn đang bị vướng, thiếu tiền chưa làm đáo hạn lại được, nên T nhờ ông Đ cho T vay số tiền 2.250.000.000đ (theo hồ sơ vay tín dụng theo tài sản thế chấp là GCNQSDĐ số CV052996 sẽ được giải ngân) để T giải quyết công việc huy động tiền làm giải ngân các hồ sơ vay vốn khác. Trúc trao đổi với Đ, nói Đ trao đổi với chị Vân A1, anh Q biết là hồ sơ không kịp giải ngân, sau tết mới giải ngân được, T sẽ viết giấy vay tiền lại cho Đ, sau tết T sẽ trả lại khoản vay này cho chị Vân A1, anh Q, đồng thời Trúc sẽ chịu trách nhiệm trả lãi từ ngày 27/01/2022 đến ngày đi làm lại sau kỳ nghỉ tết. Do tin tưởng nên Đ đã đồng ý cho T vay số tiền 2.250.000.000đ được ngân hàng giải ngân và không yêu cầu T viết giấy vay mượn tiền, hai bên chỉ nhắn tin trao đổi qua tin nhắn Zalo. Các bên thống nhất khi T sử dụng số tiền 2.250.000.000đ thì phải chịu lãi suất thay cho Đ, sau tết khi đi làm lại T sẽ phải trả lại tiền cho chị Vân A1 và anh Q cả gốc và lãi.

Đến chiều ngày 27/01/2022, vợ chồng H5 - T2 cùng Đ có đi ký hồ sơ công chứng sau đó về lại Ngân hàng để ký hồ sơ tín dụng vay vốn. Trúc có gọi Đ nói vợ chồng H5 - T2 vào trong Ngân hàng để ký các giấy tờ hợp đồng tín dụng và ủy nhiệm chi chuyển tiền khoản vay (Đ đứng ngoài ngân hàng, không trực tiếp chứng kiến việc ký giấy tờ). Do không có giấy tờ chứng minh nhân dân (giấy tờ do anh Q giữ) nên T đã đứng ra bảo lãnh để ký hồ sơ và cho biết sẽ cố gắng làm thủ tục giải ngân tiền trong chiều hoặc sáng hôm sau. Sau đó, việc thỏa thuận cho T sử dụng số tiền 2.250.000.000 đồng từ việc giải ngân tiền vay theo hợp đồng tín dụng thế chấp tài sản GCNQSDĐ số CV052996 giữa Đ và T đã thỏa thuận trước đó nên vợ chồng H5 - T2 và Đ không rõ T giải ngân được tiền và sử dụng như thế nào, cho ai. Trong thời gian này, T có liên hệ, nhắn tin qua mạng xã hội Zalo với bà Nguyễn Thị Kim N - 1981, nơi cư trú: A N, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để cho T gửi số tiền 2.250.000.000 đồng vào tài khoản số 64610000283622 (đứng tên Nguyễn Thị Kim N mở tại Ngân hàng B1)

thì bà N đồng ý. Trước đó, T có mượn bà Kim N số tiền 300.000.000 đồng, nên khi số tiền 2.250.000.000 đồng được giải ngân chuyển từ Nguyễn Thị H5 (số tài khoản 11130001) vào tài khoản của Kim N nên bà N trừ đi số tiền 300.000.000 đồng mà T đã vay mượn và chuyển lại cho T số tiền 1.950.000.000 đồng. Sau khi nhận lại số tiền này, T sử dụng trả lãi và gốc cho nhiều khoản vay mượn khác trước đó của T, bao gồm: trả cho bà Nguyễn Thị Bích N3 770 triệu đồng, trả cho ông Phạm Minh D1 950 triệu đồng (thông qua chuyển khoản cho người quen của ông D1 là Trần Thị Tuyết T17), còn lại số tiền 230 triệu đồng Trúc để qua ngày hôm sau 28/01/2020 trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim N. Ngoài ra T không sử dụng số tiền này vào việc làm thủ tục giải quyết các hồ sơ đáo hạn khách hàng như đã thỏa thuận, trao đổi với ông Đ trước đó. Đến nay T chưa trả lại được số tiền đã vay của Phạm Văn Đ. Ông Đ phải tự bỏ tiền để trả cho bà Trương Thị Vân A1 và ông Nguyễn Văn Q (BL: 3101-3108).

Như vậy, do cần tiền để trả nợ nên Hoàng Anh T đã có thủ đoạn gian dối và chiếm đoạt của anh Phạm Văn Đ số tiền 2.250.000.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền T đã lừa đảo chiếm đoạt của 07 bị hại là 35.145.050.000 (Ba mươi lăm tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

* Quá trình điều tra, Hoàng Anh T cho rằng Hoàng A Trúc trình bày đã trả lãi cho những người bị hại trong thời gian dài với số tiền cụ thể như sau:

- Trả lãi cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền là khoảng 22 tỷ đồng.

- Trả lãi cho bà Trương Thị Vân A1 khoảng 09 tỷ đồng.

- Trả lãi cho bà Nguyễn Thị Hoàng N2 số tiền khoảng 03 tỷ đồng

- Trả lãi cho bà Lê Thị H số tiền khoảng 27 tỷ đồng

- Trả lãi cho ông Hoàng Văn A số tiền là khoảng 07 tỷ đồng cho các khoản vay trước tháng 01/2021.

Hoàng Anh T cho rằng các giấy mượn tiền mà bị hại cung cấp là số tiền xác nhận theo yêu cầu của bị hại, thực tế T đã đóng tiền lãi cho những người bị hại số tiền cụ thể nêu trên, số tiền lãi này tương ứng nằm trong số tiền T đã đã chốt nợ.

Tuy nhiên quá trình điều tra xác định: Từ tháng 10/2021, Hoàng Anh T đã nợ rất nhiều người, T phải xoay nợ người này để trả cho người kia. Để có được số tiền cho vay từ các bị hại, T chấp nhận mức lãi suất cao đã thoả thuận, đồng thời những người cho vay sẽ tính toán trước khi chuyển khoản cho T vay khoản mới, họ sẽ tính toán tiền lãi rồi trừ trước rồi mới chuyển tiền cho T. Khi T chuyển trả quay đầu thì thỉnh thoảng T trả đủ số tiền đã thoả thuận ban đầu. Trong những thời điểm T không xoay được tiền để trả đủ thì T chỉ chuyển trả lại một phần, hoặc không chuyển trả lại mà nói dối với bị hại số tiền đã vay để đó

cho T tiếp tục làm hồ sơ mới, nhằm mục đích Trúc cầm cự qua ngày, không bị đòi nợ. Đến khi vay được của người này để chuyển trả cho người kia thì sau khi chuyển trả T tiếp tục vay lại ngay trong ngày để có tiền trả nợ cho người khác. Thực tế T cũng không bị mất tiền phải đóng lãi cho các bị hại, mà tự bị hại trừ tiền gốc của họ rồi chuyển cho T số tiền thực nhận. Việc các bị hại yêu cầu T xác nhận tổng số tiền nợ là theo tính toán quá trình lâu dài giữa các bên, tuy nhiên hành vi của T đưa ra thông tin gian dối để vay tiền của bị hại vào thời điểm cuối tháng 01/2022, sau đó dùng trả nợ và không chuyển trả lại được cho bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Việc T tính toán đã trả lãi cho các bị hại theo số tiền như T trình bày là không đủ căn cứ để chấp thuận; việc các bên tính toán cắt trước tiền lãi cần xem xét là thủ đoạn của bị cáo để người bị hại tin tưởng cho bị cáo vay tiền (BL: 2937-2952).

Bản Kết luận giám định số 186/KL-KTHS ngày 28/02/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: *Chữ viết, chữ ký đề tên Hoàng Anh T trên tài liệu cần giám định (giấy vay tiền đề ngày 26/01/2022) và chữ viết đề tên Hoàng Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người ký và viết ra.*

Bản Kết luận giám định số 704/KTHS ngày 12/08/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận:

*- Chữ viết, chữ ký đề tên Hoàng Anh T trên tài liệu cần giám định (hai giấy vay tiền đề ngày 25/01/2022 và 26/01/2022) và chữ viết đề tên Hoàng Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người ký và viết ra.*

*- Chữ viết, chữ ký đề tên Nguyễn Thị N4 trên tài liệu cần giám định (các giấy vay tiền đề ngày 27/01/2022) và chữ viết đề tên Hoàng Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người ký và viết ra.*

Bản Kết luận giám định số 236/KTHS ngày 18/04/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận:

*- Chữ viết, chữ ký đề tên Hoàng Anh T7 trên tài liệu cần giám định (hai giấy vay tiền đề ngày 05/10/2022) và chữ viết đề tên Hoàng Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người ký và viết ra.*

*- Chữ viết, chữ ký đề tên Hoàng Anh T trên tài liệu cần giám định (các giấy vay tiền đề ngày 30/12/2021, 18/01/2022 và 28/02/2022) và chữ viết đề tên Hoàng Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người ký và viết ra.*

*Người bị hại:*

1. Ông Hoàng Văn A (sinh năm: 1978; HKTT: L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 1.100.000.000đ, ông Hoàng Anh V yêu cầu bị cáo Hoàng Anh T bồi thường số tiền 1.065.000.000đ (BL: 198).

2. Bà Nguyễn Thị Kim L1 (tên gọi khác: H4, sinh năm: 1974; HKTT: F N, phường B, Thành phố. Đ, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 1.500.000.000đ, bà

Nguyễn Thị Kim L1 yêu cầu bị cáo Hoàng Anh T bồi thường số tiền 1.500.000.000đ (BL: 369, 434).

3. Bà Nguyễn Thị Hoàng N2 (sinh năm: 1986; HKTT: B T, phường D, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 4.743.050.000đ, bà Nguyễn Thị Hoàng N2 yêu cầu bị cáo Hoàng Anh T bồi thường số tiền 9.750.000.000đ (BL: 1542-1543).

4. Bà Trương Thị Vân A1 (sinh năm: 1988, địa chỉ: A K, phường I, Thành phố. Đ, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 9.754.000.000đ, bà Trương Thị Vân A1 yêu cầu bị cáo Hoàng Anh T bồi thường số tiền 17.000.000.000đ. (BL 1112-1113)

5. Bà Nguyễn Thị Kim N (HKTT: A N, phường D, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 1.350.000.000đ, bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu bị cáo Hoàng Anh T bồi thường số tiền 23.700.000.000đ (BL1156).

6. Bà Lê Thị H (sinh năm 1982, HKTT: 2 P, phường H, Thành phố P, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 14.448.000.000đ, bà Lê Thị H yêu cầu bị cáo Hoàng Anh T bồi thường số tiền 33.200.000.000đ.

7. Ông Phạm Văn Đ (sinh năm 1994, HKTT: thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) số tiền 2.250.000.000đ, ông Phạm Văn Đ yêu cầu bị cáo Hoàng Anh T bồi thường số tiền 2.250.000.000đ (BL: 2942).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Anh T trả cho ông Hoàng Văn A 85 triệu đồng, trả cho bà Trương Thị Vân A1 308,8 triệu đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Kim N 342 triệu đồng, trả cho bà Lê Thị H 549,5 triệu đồng.

Tại Bản cáo trạng số 63/2023/CT-VKSLĐ ngày 27/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử đối với bị cáo Hoàng Anh T về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với những người được T trả nợ không liên quan đến việc Hoàng Anh T đưa ra thông tin gian dối để vay tiền của các bị hại, do đó không có căn cứ xử lý tội phạm "*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại điều 323 Bộ luật hình sự.

Khi cho vay Hoàng Anh T và các bị hại Hoàng Anh V, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Hoàng N2, Trương Thị Vân A1, Nguyễn Thị Kim N, Lê Thị H và Phạm Văn Đ thoả thuận lãi suất bằng lời nói, không ghi giấy tờ cụ thể. Việc thống nhất tính toán cắt trước tiền lãi cần xem xét là thủ đoạn của bị cáo để người bị hại tin tưởng cho T vay tiền. Không đủ căn cứ để xác định các bị hại có hành vi thu lợi bất chính từ việc thu tiền lãi khi cho T vay. Hành vi cho vay của các ông bà Hoàng Anh V, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Hoàng N2, Trương Thị Vân A1, Nguyễn Thị Kim N, Lê Thị H và Phạm Văn Đ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với nội dung đơn tố giác của ông Hoàng Văn A tố cáo Hoàng Anh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T11 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Văn A số tiền 450.000.000đ thông việc nhận tiền, hứa hẹn nhờ người để chạy án cho ông Văn A, tuy nhiên sau đó không thực hiện, không trả lại tiền cho ông Văn A. Đến nay do chưa có kết luận giám định giọng nói của cơ quan giám định, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L ra Quyết định tách hành vi, tài liệu và vật chứng liên quan đến nội dung này để tiếp tục điều tra xác minh và giải quyết khi có kết luận giám định và đủ căn cứ xử lý.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L còn tiếp nhận đơn của những công dân khác gồm các bà: Trần Thị D2, Hồ Thị Thùy L10, Nguyễn Thị Kim L1, Trương Thị Vân A1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Hạnh Thị Thùy T1, Nguyễn Thị Bích N3, Phạm Thị Thu T18, Đào Thị Thùy L11, Lý Thị Kim H8 cùng tố cáo Hoàng Anh T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua kiểm tra xác minh, xét thấy việc vay mượn tiền giữa Hoàng Anh T với các công dân này chỉ là tranh chấp dân sự, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự, Cơ quan điều tra đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với các đơn tố giác nói trên.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:***

Tuyên bố bị cáo Hoàng Anh T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Anh T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam ngày 28/4/2022 đến ngày 14/6/2022 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Anh T bồi thường cho các bị hại như sau: Bồi thường ông Hoàng Văn A số tiền 1.015.000.000đ; bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 1.500.000.000đ; bà Nguyễn Thị Hoàng N2 số tiền 4.743.050.000đ; bà Trương Thị Vân A1 số tiền 9.445.200.000đ; bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.008.000.000đ; bà Lê Thị H số tiền 13.898.500.000đ; ông Phạm Văn Đ số tiền 2.250.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/5/2024, bị hại Nguyễn Thị Kim N và Lê Thị H có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 27/6/2024, bị hại là ông Hoàng Văn A có đơn kháng cáo đề nghị buộc bà Nguyễn Thị Kim N trả lại số tiền 1,1 tỷ đồng mà Hoàng Anh T đã chiếm đoạt của ông và chuyển vào tài khoản của bà N.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Hoàng Anh Văn G1 nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà N trả lại số tiền mà T đã chiếm đoạt của ông để chuyển vào tài khoản của bà N.

Bà Lê Thị H và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà H trình bày: Về trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm xác định bị cáo T chiếm đoạt số tiền 14.448.000.000 đồng của bà H là không chính xác. Về bỏ lọt tội phạm, quá trình điều tra liên quan đến Hoàng Anh T7 đã giúp sức cho bị cáo T chiếm đoạt tiền của bị hại nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ vai trò của Hoàng Anh T7. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Bà Nguyễn Thị Kim N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng số tiền bồi thường thiệt hại cho bà N.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Hoàng Anh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tuyên xử bị cáo mức án 20 năm tù là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cấp sơ thẩm đã làm rõ việc bỏ lọt tội phạm. Về trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm đã điều tra, đối chiếu số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại; bà H và bà N cho rằng Tòa sơ thẩm tuyên xử buộc bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại là chưa chính xác nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Về số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông V không xác định được dòng tiền bị cáo chuyển cho ai nên buộc bị cáo bồi thường cho ông V là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét làm rõ đối với hành vi cho vay nặng lãi của các bị hại trong vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh T trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với mức án 20 năm tù và buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn A, bà Nguyễn Thị Kim N và bà Lê Thị H làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Anh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Khoảng tháng 10/2021 đến tháng 02/2022, do cần tiền để trả gốc và lãi cần cho các chủ nợ, lợi dụng bản thân là nhân viên của Ngân hàng B – chi nhánh Đ1, bị cáo T đã đưa ra thông tin gian dối về việc vay tiền để đáo hạn cho các khách hàng tại Ngân hàng B, đồng thời làm giả các hồ sơ vay vốn không có thật rồi chụp ảnh gửi cho các bị hại để bị hại tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo T vay. Với cách thức gian dối này bị cáo đã chiếm đoạt của 07 người bị hại với tổng số tiền 35.145.050.000đ; trong đó chiếm đoạt của ông Hoàng Văn A số tiền 1.100.000.000đ, bà Nguyễn Thị Kim L1 1.500.000.000đ, bà Nguyễn Thị Hoàng N2 4.743.050.000đ, bà Trương Thị Vân A1 9.754.000.000đ, bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.350.000.000đ, bà Lê Thị H số tiền 14.448.000.000đ, ông Phạm Văn Đ số tiền 2.250.000.000đ để dùng vào việc trả nợ của bản thân.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Hoàng Anh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ năng lực nhận thức nhưng vì để có tiền trả nợ cho bản thân bị cáo đã cố ý đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của nhiều người bị hại. Do đó, cần phải xử các bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; có cha ruột là ông Hoàng L được tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất; ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" và số tiền chiếm đoạt đặc biệt lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 20 năm tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo của bà Lê Thị H về trách nhiệm dân sự và bỏ lọt tội phạm:

Bà Lê Thị H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt của bà số tiền 14.448.000.000 đồng là không đúng mà tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là trên 35 tỷ đồng nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh; đồng thời, cấp sơ thẩm đã điều tra xác minh, đối chiếu làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại. Nên, bà H cho rằng bị cáo chiếm đoạt của bà số tiền trên 35 tỷ đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bỏ lọt tội phạm là Hoàng Anh T7: Cơ quan điều tra đã nhiều lần điều tra, xác định việc làm các tài liệu gửi lên nhóm zalo để bà H tin tưởng cho bị cáo T vay là do bị cáo Trúc tự thực hiện một mình, không trao đổi với T7 hay người nào khác. Các hồ sơ đáo hạn ngân hàng là do T tự làm giả, không có sự tham gia của T7. Số tiền vay được từ bà H thì T sử dụng để trả nợ hết cho các chủ nợ mà không chuyển khoản tiền nào cho T7. Do đó, bà H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để làm rõ việc bỏ lọt tội phạm đối với Hoàng Anh T7 về hành vi đồng phạm giúp sức cho Hoàng Anh T trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N về yêu cầu buộc bị cáo tăng mức bồi thường thiệt hại cho bà N: Tương tự như bà Lê Thị H, bà N cho rằng cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bà số tiền 1.008.000.000 đồng là không chính xác; tuy nhiên bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh và cấp sơ thẩm đã điều tra, xác minh đối chiếu làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà N. Do đó, bà N kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với kháng cáo của ông Hoàng Văn A cho rằng hồ sơ đã thể hiện rõ số tiền 1.100.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của ông thì ngay sau đó đã được chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim N nên số tiền 1.100.000.000 đồng là vật chứng của vụ án và bà N phải trả lại số tiền này để khắc phục hậu quả cho ông Hoàng Văn A. Thấy rằng, theo hồ vụ án thể hiện do tin tưởng bị cáo T nên ngày 26/01/2022, ông Hoàng Văn A đã chuyển vào tài khoản của bị cáo T số tiền 1.100.000.000 đồng để cho bị cáo vay, cùng ngày bị cáo T chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 10.000.000.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, vào ngày 27/01/2022 thì bà Kim N đã chuyển ngược lại vào tài khoản của bị cáo T số tiền 6.650.000.000 đồng. Sau đó bị cáo T lại dùng số tiền do bà N chuyển để trả nợ cho một số chủ nợ. Và sau khi bị cáo dùng số tiền trên trả nợ cho các chủ nợ thì không xác định được dòng tiền cuối cùng đã chuyển cho ai. Nên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông Hoàng Văn A là phù hợp. Do đó, không có căn cứ buộc bà Nguyên Thị Kim N6 phải trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông Hoàng Anh V để khắc phục hậu quả cho bị cáo.

[8] Đối với hành vi có dấu hiệu cho vay nặng lãi của các bị hại trong vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét làm rõ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn A, bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị Kim N, mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 23, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn A, bà Nguyễn Thị Kim N, bà Lê Thị H; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Tuyên bố bị cáo Hoàng Anh T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Anh T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam ngày 28/4/2022 đến ngày 14/6/2022 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Anh T bồi thường cho các bị hại như sau: Bồi thường ông Hoàng Văn A số tiền 1.015.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 1.500.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Hoàng N2 số tiền 4.743.050.000đồng; bà Trương Thị Vân A1 số tiền 9.445.200.000đồng; bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.008.000.000đồng; bà Lê Thị H số tiền 13.898.500.000đồng; ông Phạm Văn Đ số tiền 2.250.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Văn A, bà Nguyễn Thị Kim N, bà Lê Thị H, mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Đức Phương** **Nguyễn Văn Tửu** **Lê Thị Tuyết Trinh**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng ;
- Công an tỉnh Lâm Đồng ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng ;
- BCTN (1);
- Bị hại có KC (3);
- Lưu VT (5), HS (2) 19b (Án-TMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tuyết Trinh**